

# BIẠ VÀ VĂN BIẠ

## CUNG ĐÌNH THỜI NGUYỄN TẠI HUẾ

### MỘT DI SẢN QUÝ CẦN ĐƯỢC CHÚ Ý BẢO TỒN

NGUYỄN THỪA KẾ\*

**B**ia và văn bia cung đình được hiểu là những bia đá khắc các bài văn (gồm cả văn, thơ, phú, kí...) do đích thân hoàng đế ngự chế hoặc do triều đình, theo lệnh vua, biên soạn và khắc dựng. Bia và văn bia cung đình thời Nguyễn hầu như chỉ tập trung ở kinh đô

Huế, là một mảng quan trọng trong số di sản văn khắc Hán Nôm hết sức đồ sộ và phong phú của thời Nguyễn. Mặc dù trải qua nhiều biến động lịch sử và sự tàn phá khốc liệt của chiến tranh, thiên tai..., hiện nay tại khu vực Huế vẫn còn giữ được một số lượng rất đáng kể các tấm bia thuộc

dạng này. Theo thống kê của chúng tôi, không kể hàng trăm tấm bia định danh (tức các tấm bia ghi tên công trình, tên đất, sông, núi...), ở khu vực Huế hiện còn gần 70 tấm bia Ngự chế và 7 tấm bia cung đình được khắc dựng trong thời Nguyễn (1802-1945).

#### 1. Thống kê

##### 1.1. Bia Ngự chế

STT	Tên văn bia	Nội dung văn bia	Vị trí đặt bia, năm dựng bia	Dung lượng	Ghi chú
1	Thánh đức thân công bi ký	Ca ngợi công đức, sự nghiệp vua Gia Long	Lăng Gia Long, 1820	18 dòng 781 chữ	Nhà bia đã bị hỏng, bia bị nứt
2	Thánh đức thân công bi ký	Ca ngợi công đức, sự nghiệp vua Minh Mạng	Lăng Minh Mạng, 1841	34 dòng 2270 chữ	Có nhà bia
3	Thánh đức thân công bi ký	Ca ngợi công đức, sự nghiệp vua Thiệu Trị	Lăng Thiệu Trị, 1848	34 dòng 1900 chữ	Có nhà bia
4	Khiêm Cung ký	Tự sự của vua Tự Đức và thuật lại việc xây lăng	Lăng Tự Đức, 1875	69 dòng 4950 chữ	Có nhà bia, bia khắc 2 mặt
5	Thánh đức thân công bi ký	Ca ngợi công đức, sự nghiệp vua Đồng Khánh	Lăng Đồng Khánh, 1916	34 dòng 900 chữ	Có nhà bia, bia khắc 2 mặt
6	Thánh đức thân công bi ký	Ca ngợi công đức, sự nghiệp vua Khải Định	Lăng Khải Định, 1925	14 dòng 950 chữ	Có nhà bia
7	Thiên Mục chung thanh	Vịnh cảnh chùa Thiên Mục	Chùa Thiên Mục, 1846	31 dòng 1800 chữ	Có nhà bia
8	Huỳnh tự thư thanh, 1846	Vịnh cảnh trường Quốc Tử giám	Quốc Tử giám, 1846 và 1908	10 dòng 180 chữ	Dựng lại năm 1908
9	Hương Giang hiệu phiếm	Vịnh cảnh sông Hương	Phu Văn Lâu, 1843	16 dòng 240 chữ	Có nhà bia
10	Bình Lãnh đàng cao	Vịnh cảnh núi Ngự Bình	Chân núi Ngự Bình, 1843	10 dòng 100 chữ	Có nhà bia nhưng nóc đã hỏng
11	Trạch nguyên tạo lộc	Vịnh cảnh sân nai đầu nguồn sông Hương	Ngã ba Bằng Lăng, 1843	10 dòng 155 chữ	Nhà bia đã hỏng 100%
12	Đồng lâm đặc diêu	Vịnh cảnh rừng phía đông Kinh đô	Làng Thần Phù xã Thủy Châu, 1843	10 dòng 138 chữ	Nhà bia đã hỏng 100%
13	Văn sơn thảng tích	Vịnh cảnh chùa Thành Duyên, núi Thủy Vân	Chùa Thánh Duyên, 1843	10 dòng 160 chữ	Có nhà bia

\* Phòng Nghiên cứu Khoa học, Trung tâm BDTCTĐ Huế

13	Vân sơn thặng tích	Vịnh cảnh chùa Thành Duyên, núi Thủy Vân	Chùa Thánh Duyên, 1843	10 dòng 160 chữ	Có nhà bia
14	Hưng Tổ Miếu bi	Về việc dựng lại miếu Hưng Tổ	Bên tả Hưng Miếu, 1821	12 dòng 142 chữ	Gắn trên bình phong
15	Hồ tàn liễu lãng	Vịnh cảnh thứ 13 của vườn Cơ Hạ	Vườn Cơ Hạ, 1844	8 dòng 134 chữ	Không có nhà bia
16	Vũ giang thặng tích	Vịnh cảnh thứ 11 của vườn Cơ Hạ	Vườn Cơ Hạ, 1844	8 dòng 134 chữ	Không có nhà bia
17	Thị học tịnh tự	Khuyến khích việc học hành, khoa cử	Trước trường Quốc Tử Giám, 1854 và 1908	25 dòng 1200 chữ	Năm 1908 mới dời về. Chữ đã mờ
18	Thuận An tấn ký	Vịnh cửa Thuận An	Bảo tàng M'ICĐ Huế, 1872 và 1923	47 dòng 1800 chữ	Không có nhà bia
19	Ngự Hà bi ký	Về việc đào Ngự Hà và dựng cầu Ngự Hà, Đóng thành thủy quan	Trước đồn Mang Cá Lớn, 1836	13 dòng 273 chữ	Nhà bia đã bị hỏng hoàn toàn
20	Khánh Ninh kiều bi ký	Về việc đào Ngự Hà và dựng cầu Khánh Ninh, Vĩnh Lợi, Tây thành thủy quan và Hoàng Tế	Bờ bắc Ngự Hà, đầu đường Trần Văn Kỳ- Ngô Thế Lân, 1836	13 dòng 292 chữ	Có nhà bia
21	Thác Bái Châu	Thuật lại lí do dựng bia (gặp rái cá)	Phía đông cầu Châu É, 1841	14 dòng 400 chữ	Không còn nhà bia, bia bị đổ, chữ mờ
22	Quá Phổ Lợi Hà cảm tác	Về việc đào sông Phổ Lợi	Bên đường về Thuận An, 1843	21 dòng 779 chữ	Không còn nhà bia, bệ đã tu bổ
23	Thuận An bát thập vận	Vịnh cửa Thuận An	Trường PTTH Thuận An, 1875	Dòng 1 618 chữ	Có nhà bia
24	Tịnh Viêm hành cung bi ký	Về việc dựng hành cung Tịnh Viêm	Thị trấn Lăng Cô	11 dòng 251 chữ	Không còn nhà bia
25	Bia khắc bài Dụ của vua Minh Mạng	Cấm hoạn quan tham gia chính sự	Văn Miếu, 1836	17 dòng 550 chữ	Có nhà bia
26	Bia khắc bài Dụ của vua Thiệu Trị	Cấm ngoại thích tham gia chính sự	Văn Miếu, 1846	19 dòng 700 chữ	Có nhà bia
27	Thánh Duyên tự chiêm lễ và Thủy Vân Sơn trúc cung tức cảnh	Để vịnh cảnh chùa Thành Duyên và hành cung Thủy Vân	Chùa Thành Duyên, 1837	14 dòng 900 chữ	Dựng lại trong bếp chùa
28	(Ngự chế thi) đề Diệu Đế tự	Nói về việc xây chùa và để vịnh cảnh chùa Diệu Đế	Chùa Diệu Đế, 1846	34 dòng 1000 chữ	Có nhà bia, có cả phần Tự trước các bài thơ
29	Từ Thọ Xuân Vương thất thập tự phổ ca	Mừng Thọ Xuân Vương 70 tuổi	Phủ Thọ Xuân, 1960		Không có nhà bia, bia đúc xi măng
30	Thiên Mục Tự Phước Duyên tháp làm hạnh ngẫu thành nhất luật tịnh tự	Để vịnh chùa Thiên Mục, tháp Phước Duyên	Chùa Thiên Mục, 1919	14 dòng 389 chữ	Không có nhà bia
31	Thiên Mục Tự Phước Duyên	Lịch sử chùa và việc dựng tháp Phước	Chùa Thiên Mục, 1846	27 dòng 1200 chữ	Có nhà bia

32	Tiến sĩ đề danh bi (Võ)	Ghi danh tiến sĩ võ khoa Tự Đức (1865)	Võ Miếu, 1858	12 dòng 150 chữ	Không có nhà bia
33	Tiến sĩ đề danh bi (Võ)	Ghi danh Tiến sĩ võ khoa Tự Đức	Võ Miếu, 1865	38 dòng 471 chữ	Không có nhà bia
34 - 65	Tiến sĩ đề danh bi (văn) (gồm 32 tấm)	Đề danh các Tiến sĩ thời Nguyễn (1822 - 1919)	Văn Miếu		Mới dựng lại nhà bia, các bia bị mờ phần lớn
66	Bia Tả Kiến Thái Vương (bên hữu)	Ca ngợi công đức, sự nghiệp của Kiến Thái Vương	Bên hữu Tả Kiến Thái Vương, 1917	15 dòng 500 chữ	Có nhà bia
67	Bia Tả Kiến Thái Vương (bên tả)	Ghi lời truy tôn của 3 vua Kiến Phúc, Đồng Khánh và Hàm Nghi đối với Kiến Thái Vương	Bên tả Tả Kiến Thái Vương	5 dòng 39 chữ	Có nhà bia

1	Bia Hoàng Khảo Miếu	Về việc dựng miếu Hoàng Khảo	Bên tả Hưng Miếu, 1804	15 dòng 221 chữ	Gắn trên bình phong
2	Bia Thiên Mục (Bộ Công)	Ghi lại năm tu bổ tháp Phước Duyên	Chùa Thiên Mục, 1899	4 dòng 20 chữ	Không có nhà bia
3	Võ công bi ký	Về việc dựng Võ Miếu và lý do khắc tên 10 vị Khai quốc công thần	Võ Miếu, 1820	14 dòng 316 chữ	Không có nhà bia
4	Võ Công tả bi	Khắc tên tuổi 5 vị Khai quốc công thần	Võ Miếu, 1820	20 dòng 600 chữ	Không có nhà bia
5	Võ Công hữu bi	Khắc tên tuổi 5 vị Khai quốc công thần	Võ Miếu, 1820	19 dòng 500 chữ	Tôn Thất Bật, bị đục tên
6	Bia mộ đức Quốc Công	Công trạng, sự nghiệp của Phạm Đăng Hưng	Đức Quốc công từ	33 dòng 2.330 chữ	Không có nhà bia
7	Thái Tổ Miếu bi	Về việc dựng miếu Thái Tổ	Bên tả Thái Miếu, 1804	19 dòng 273 chữ	Gắn vào tường nhà

## 2. Vài suy nghĩ và đề xuất:

### 2.1. Về văn bia Ngự chế:

- Theo bảng thống kê trên, tại khu vực Huế hiện vẫn còn đến 67 tấm bia khắc thơ văn Ngự chế của các vua Nguyễn. Tuy nhiên, so với thời kỳ huy hoàng khi Huế còn là Kinh đô, thì đã có khá nhiều bia Ngự chế bị thất lạc hoặc tiêu hủy, như 12 tấm bia thuộc *Thần kinh nhị thập cảnh* thì

nay mới tìm ra 7 tấm; các bia vịnh cảnh vườn Cơ Hạ nay chỉ còn 2 tấm; 4 tấm bia *Vịnh cảnh Thuận An* của vua Minh Mạng<sup>2</sup>, bia ở lầu Kỳ Ân<sup>(3)</sup> của vua Thiệu Trị, và các bia *Tàng Thư Lôu ký*, *Dữ Dã Viên ký*... thì đều không tìm thấy.

- Không kể các bia đề danh Tiến sĩ (cả văn lẫn võ), phần lớn trong số hơn 30 tấm bia Ngự chế còn lại đều được

khắc dựng trong khoảng thời gian trị vì của 3 Hoàng đế Minh Mạng (1820 - 1840), Thiệu Trị (1841 - 1847) và Tự Đức (1848 - 1883), tức trong giai đoạn thịnh vượng nhất của triều Nguyễn<sup>(4)</sup>. Đáng chú ý hơn cả là vua Thiệu Trị, tuy chỉ trị vì trong 7 năm, nhưng ông lại là vị vua có số lượng văn bia nhiều nhất, với 14 đơn vị. Ông vua nổi tiếng "nhiều chữ"

Tự Đức chỉ đứng thứ 2, tương đương với vua Minh Mạng, với 6 đơn vị.

- Về mặt nội dung, có thể tạm chia văn bia Ngự chế thành một số mảng sau:

+ *Thánh đức thần công bi ký*: tức các tấm bia khắc các bài ký do vị vua kế vị viết để ca ngợi công đức, sự nghiệp của vị vua tiền nhiệm (thường là thân sinh của vị vua ấy). Trên 7 khu lăng của các Hoàng đế triều Nguyễn, có 6 tấm bia thuộc dạng này (lăng Dục Đức không có bia), nếu kể cả 2 tấm bia tại Tẩm mộ Kiên Thái Vương thì có cả thảy 8 đơn vị. Tuy nhiên, bài *Khiêm Cung ký* tại lăng vua Tự Đức là một trường hợp đặc biệt, bởi đây là bài văn do chính vị vua này soạn cho mình; tấm bia được khắc dựng lên khi vua còn tại thế. Đây lại là tấm bia thuộc dạng lớn nhất, khắc bài văn cũng vào loại dài nhất trong lịch sử văn bia Việt Nam. Hai tấm bia tại Tẩm mộ Kiên Thái Vương cũng khá đặc biệt: tấm bia bên hữu do vua Khải Định, người cháu nội "Ngự chế" và khắc dựng; còn tấm bên tả thì ghi nhận sự truy tôn của 3 vị vua Kiến Phúc, Đồng Khánh, Hàm Nghi (đều là con Kiên Thái Vương) đối với người cha không phải là vua nhưng lại có đến 3 người con làm vua này.

+ *Đề vịnh cảnh*: Loại văn bia này chủ yếu là thơ phú của các vua đề vịnh những cảnh đẹp của Huế. Nổi bật trong số này là chùm thơ đề vịnh *Thần kinh nhị thập cảnh* của vua Thiệu Trị, với 7 bài(5). Ngoài ra còn có văn bia đề vịnh các tiểu cảnh của vườn Cơ Hạ, với

2 bài *Hồ tân liễu lãng* và *Vũ giang thắng tích*. Các bài *Thánh Duyên Tự chiêm lễ* của vua Minh Mạng; *Thuận An Tấn ký*, *Thuận An bát thập vận* của vua Tự Đức... tuy không hoàn toàn là đề vịnh cảnh đẹp nhưng cũng có thể xếp vào dạng này.

+ *Bia nêu danh các vị Tiến sĩ Văn và Võ*: Đây là một dạng văn bia đặc thù, chỉ có tại Văn Miếu, Võ Miếu. Văn bia đề danh Tiến sĩ thời Nguyễn không có phần Dụ của Hoàng đế, viết ở phần đầu, như văn bia thời Lê ở Quốc Tử Giám Hà Nội, nhưng chúng tôi vẫn xếp vào loại văn bia Ngự chế vì chúng đều được đích thân Hoàng đế "ân tứ".

+ *Các dạng khác*: Cũng khá phong phú, gồm văn thơ khuyến học (Bia Thị học tịnh tự ở Quốc Tử Giám); răn cấm hoạn quan, thái giám tham dự triều chính (Bia khắc Dụ của vua Minh Mạng, Thiệu Trị tại Văn Miếu); Bia ghi lại việc xây dựng các công trình như *Quá Phổ Lợi Hà cảm tác* của vua Thiệu Trị, *Tịnh Viêm Hành Cung bi ký* của vua Khải Định; ghi lại một kỷ niệm đáng nhớ (Bia Thác Bái châu) ...

2.2. *Về văn bia cung đình Nguyễn (không phải bia Ngự chế)*:

Loại văn bia này, xưa có lẽ có khá nhiều, nay chỉ còn 7 tấm, nhưng nội dung cũng khá đa dạng: có bia ghi lại việc xây dựng hoặc tu bổ công trình (bia ở Hưng Miếu), cũng có bia ghi lại sự nghiệp, công lao của danh tướng (bia Đức Quốc Công từ)(6).

2.3. *Vài ý kiến đề xuất*:

- Với hơn 70 tấm bia cung đình hiện còn; Huế vẫn chúng tỏ là một trong những khu vực

tập trung số lượng lớn nhất các di sản Hán Nôm dạng văn bia của nước ta. Bởi vậy, việc đầu tư nghiên cứu các di sản này là hết sức cần thiết. Bia cung đình thời Nguyễn nói chung và văn bia nói riêng là một loại hình di sản hết sức đáng quý, nhưng cho đến nay, tình trạng bảo quản, khai thác và phát huy giá trị vẫn còn rất nhiều điều bất cập. Không kể số bia đá đã bị huỷ hoại hay thất lạc, số bia đá còn lại phần lớn đều đang ở trong tình trạng bảo quản không tốt (không có nhà bia che chắn hoặc nhà bia đã bị hư hỏng). Do sự huỷ hoại của chiến tranh, điều kiện thời tiết khắc nghiệt, một số tấm bia quý đã bị nứt gãy (bia *Thánh Đức thần công* ở lăng Gia Long, bia *Quá Phổ Lợi Hà cảm tác*...), một số khác thì chữ khắc trên bia đã bị mờ hoàn toàn hoặc phần lớn (bia *Thị học tịnh tự*, bia Thác Bái Châu bia *Quá Phổ Lợi Hà cảm tác*...). Vì vậy, vấn đề cấp thiết đang đặt ra hiện nay là các cơ quan chức năng phải nhanh chóng có các biện pháp bảo tồn, tôn tạo một cách hiệu quả.

- Về mặt chất liệu và hình thức, các bia đá cung đình Nguyễn hầu hết được chế tác từ đá thanh, hình thức nói chung là đồng nhất và khác hẳn bia thời Lê ở khu vực châu thổ Bắc Bộ. Bia cung đình Nguyễn đều có hình chữ nhật; có trán bia, tai bia rất rõ ràng; các chi tiết trang trí được chạm khắc tỉ mỉ, công phu nên đều có giá trị cao về mỹ thuật. Các bia Nguyễn nói chung là có kích thước vừa phải, các bia để

danh Tiến sĩ thì nhỏ hơn bia thời Lê (tại Văn Miếu Hà Nội) nhiều. Nhưng các bia Thánh Đức thần công lại là ngoại lệ, hầu hết chúng đều rất lớn, đặc biệt là bia ở lăng Tự Đức - một tấm bia xưa nay vẫn được xem là lớn nhất của Việt Nam. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có một công trình chuyên biệt nào nghiên cứu về hình thức, chất liệu và phong cách bia Nguyễn. Có thể xem đây là một thiếu sót lớn cần sớm được khắc phục.

- Về mặt nội dung, văn bia cung đình thời Nguyễn nói chung đều có giá trị cao về nhiều mặt: văn bản, sử liệu, ngôn ngữ..., nên được giới nghiên cứu rất chú ý. Khá nhiều văn bia đã được dịch và giới thiệu. Tuy nhiên, sự giới thiệu các văn bản trên còn rải rác và chưa phản ánh hết tầm quan trọng cùng ý nghĩa đặc biệt của loại hình di sản này. Những công trình tương đối bề thế, mới xuất bản trong thời

gian gần đây, của Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế, như *Thần kinh nhị thập cảnh - Thơ vua Thiệu Trị* (1997), *Khoa cử và các nhà khoa bảng thời Nguyễn* (2000)... đã bước đầu giới thiệu một cách có hệ thống về loại hình di sản Hán Nôm trên, nên rất cần tiếp tục triển khai cách làm này trong thời gian tới. Theo chúng tôi, đã đến lúc cần có một công trình quy mô để giới thiệu một cách toàn diện về di sản Hán Nôm Huế, trong đó có mảng văn bia cung đình Nguyễn.

- Bên cạnh loại văn bia cung đình thời Nguyễn, tại khu vực Huế hiện nay vẫn còn lưu giữ được một số bia đá và văn bia có niên đại trước thời Nguyễn rất quý, như các bia Ngự chế của chúa Nguyễn Phúc Chu viết về chùa Thiên Mụ, chùa Quốc Ân, bia chùa Hà Trung, tháp sư Liễu Quán, tháp sư Tạ Nguyên Thiều, bia chùa Thiền Lâm, bia chùa Kim

Sơn (nay đặt tại Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế), bia mộ bà Chiêu Nghi Trần Thị Xạ.. Các bia này đều được khắc dựng trong khoảng thế kỷ XVII - XVIII, tức trong giai đoạn chuyển tiếp phong cách từ Lê sang Nguyễn - một giai đoạn đang rất cần được đầu tư nghiên cứu. Ngay trong thời Nguyễn, bên cạnh các bia cung đình, cũng còn có rất nhiều bia và văn bia có giá trị cao về lịch sử và nghệ thuật. Đó là hàng chục bia dựng tại các chùa chiền, tấm, mộ của thân vương, thân huân, đại thần của triều Nguyễn. Đây cũng là những đối tượng rất cần được chú ý bảo tồn và giới thiệu rộng rãi để phát huy giá trị.

N.T.K

## CHÚ THÍCH:

1 Tấm bia này hiện đã mờ hết chữ nên không xác định được số dòng. Còn số chữ thì do chúng tôi căn cứ bài giới thiệu của hai tác giả Phan Thuận An - Lê Nguyễn Lưu (có công bố cả nguyên bản chữ Hán, phiên âm và dịch nghĩa) trong tập sách *Tuyển tập các bài nghiên cứu về triều Nguyễn*. Tạp chí *Nghiên cứu & Phát triển* phối hợp với Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế xuất bản năm 2002.

2 Đây là 4 tấm bia khắc 4 bài thơ *Viên đài hùng trữ, Đại hải trang quan, Sa thành miên cặng và Dạ lâm tịch thủy*, đều dựng vào năm Minh Mạng thứ 12 (1831). Xem *Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*. Bản dịch của Viện Sử học, Bộ Công, tập 13, tr.470

3 Bia lầu Kỳ Ân (nằm trong vườn Thường Mậu, gần khu Tịch Điền) khắc bài Dụ của vua Thiệu Trị, dựng năm 1842. Xem *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*. Sdd, tr.470.

4 Riêng trường hợp tấm bia *Tứ Thọ Xuân Vương thất thập tự phổ ca* (1879) dựng trước phủ Thọ Xuân Vương là một trường hợp đặc biệt. Tuy bài văn đúng là do vua Tự Đức Ngự chế, nhưng tấm bia thì mới do con cháu Thọ Xuân Vương dựng lên năm 1960. Đây lại là một tấm bia đúc bằng xi - măng!

5 Đây chỉ là 7/12 tấm bia đã được phát hiện. Thơ vịnh 20 thắng cảnh Thần kinh xưa của vua Thiệu Trị thì 8 cảnh đầu được khắc vào biển đồng, 12 cảnh còn lại khắc vào bia đá. Xem thêm Phan Thanh Hải, Thêm vài thông tin về 20 thắng cảnh xưa của đất Thần kinh. In trong sách *Dấu ấn Nguyễn trong văn hoá Phú Xuân*. Nxb. Thuận Hoá, Huế - 2002.

6 Bia Đức Quốc từ do 2 đại thần Phan Thanh Giản và Trương Quốc Dụng vâng mệnh Thái hậu Từ Dũ để soạn. Bia này còn có một phiên bản tương tự dựng tại khu mộ của ông Phạm Hưng ở Gò Công.